



CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT

TIÊU CHUẨN SỐ 8

XÁC ĐỊNH TÌNH TRẠNG DỊCH HẠI TRONG MỘT VÙNG (1998)

Ban Thư ký Công ước Quốc tế về Bảo vệ thực vật

©Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2012 (bản tiếng Việt)

©FAO, 1996 - 2012 (bản tiếng Anh)

Bản tiếng Việt được dịch bởi Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Lịch sử xuất bản

Đây không phải là phần chính thức của Tiêu chuẩn

1994-05 CEPM-1 bổ sung nội dung *Xác định phạm trù dịch hại và nguy cơ dịch hại* (1994-004)

1994 EWG xây dựng dự thảo sửa đổi

1995-05 CEPM-2 chỉnh sửa để nộp cho MC

1996-05 CEPM-3 quyết định thêm nội dung mới

1997-10 CEPM-4 chỉnh sửa dự thảo đệ trình lên MC

1998 gửi lên MC

1998-05 CEPM-5 soát xét để thông qua

1998-11 ICPM-1 thông qua tiêu chuẩn

ISPM 8. 1998. *Xác định tình trạng dịch hại trong một vùng*, Rome, IPPC, FAO.

Lịch sử xuất bản: Chỉnh sửa lần cuối tháng 8, 2011, gồm cập nhật danh mục tài liệu viện dẫn nêu trong phụ lục 1

MỤCLỤC

Phạm vi áp dụng	4
Tài liệu viện dẫn	4
Định nghĩa	4
Khái quát yêu cầu	5
Yêu cầu chung để xác định tình trạng dịch hại	6
1. Mục đích của việc xác định tình trạng dịch hại	6
2. Hồ sơ dịch hại	7
2.1 Hồ sơ dịch hại	7
2.2 Độ tin cậy	7
3. Tình trạng dịch hại trong một vùng	9
3.1 Mô tả tình trạng dịch hại trong một vùng	9
3.1.1 Sự hiện diện	9
3.1.2 Không hiện diện	10
3.1.3 Tính tạm thời	12
3.2 Xác định tình trạng dịch hại trong một vùng	12
4. Chế độ báo cáo	13

Khái quát yêu cầu

Hồ sơ dịch hại là thành phần thiết yếu được sử dụng để xác định tình trạng của dịch hại trong một vùng. Tất cả các nước xuất khẩu và nhập khẩu đều cần thông tin liên quan đến tình trạng dịch hại để phân tích nguy cơ dịch hại (PRA), ban hành và thực hiện các quy định nhập khẩu, thiết lập và duy trì các vùng không nhiễm dịch hại (PFA).

Hồ sơ dịch hại cung cấp các thông tin liên quan đến sự có mặt hoặc không có mặt của một loài dịch hại, thời gian và địa điểm quan sát, các ký chủ tại những nơi phù hợp, những thiệt hại quan sát được, cũng như tài liệu tham khảo hoặc thông tin về từng đợt điều tra đơn lẻ. Độ tin cậy của các hồ sơ dịch hại dựa vào việc xem xét dữ liệu liên quan đến người thu thập/ người giám định, phương pháp giám định kỹ thuật, thời gian và địa điểm lập hồ sơ và việc ghi chép/ công bố các hồ sơ dịch hại.

Việc xác định tình trạng dịch hại yêu cầu phải có sự đánh giá của chuyên gia đối với các thông tin sẵn có về thời gian xuất hiện của một loài dịch hại trong một vùng. Tình trạng dịch hại được xác định bằng việc sử dụng thông tin từ các hồ sơ dịch hại riêng biệt, các hồ sơ điều tra dịch hại, dữ liệu về sự không có mặt của dịch hại, kết quả của giám sát chung, các ấn phẩm khoa học và cơ sở dữ liệu.

Tình trạng dịch hại được quy định trong tiêu chuẩn này đề cập đến ba nhóm phạm trù khác nhau:

- Sự có mặt của dịch hại - dẫn đến việc nhận định như "có mặt trong tất cả các vùng của quốc gia", "chỉ có mặt ở một số vùng", v.v...
- Sự không có mặt của dịch hại - dẫn đến việc nhận định như "không có ghi nhận về dịch hại", "dịch hại được diệt trừ", "dịch hại không có mặt", v.v...
- Tính tạm thời của dịch hại - dẫn đến việc xác định như "không hoạt động", "dịch hại hoạt động, cần giám sát", và "dịch hại hoạt động cần phải diệt trừ".

Để tạo thuận lợi hợp tác quốc tế giữa các bên tham gia trong việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo về sự xuất hiện, bùng phát hoặc lan rộng dịch hại, các NPPO, hoặc các tổ chức khác hoặc những người liên quan đến việc ghi nhận về sự có mặt, không có mặt hoặc tính tạm thời của các loài dịch hại, cần phải thực hiện theo chế độ thực hành báo cáo tốt. Báo cáo phải được

sử dụng dữ liệu tin cậy và chính xác của các hồ sơ dịch hại, việc chia sẻ các thông tin tình trạng dịch hại phải kịp thời, tôn trọng lợi ích của tất cả các bên liên quan và tuân thủ các qui định về tình trạng dịch hại trong tiêu chuẩn này.

Yêu cầu chung để xác định tình trạng dịch hại

1. Mục đích của việc xác định tình trạng dịch hại

Một hồ sơ dịch hại là bằng chứng để chứng minh¹ sự có mặt hay không có mặt của một loài dịch hại cụ thể tại một địa điểm và thời gian xác định trong một vùng, thường là ở một nước, trong những hoàn cảnh được xác định. Các hồ sơ dịch hại được dùng có sự kết hợp với các thông tin khác nhau nhằm xác định tình trạng dịch hại cụ thể trong vùng.

Nói chung, việc cung cấp các hồ sơ dịch hại đáng tin cậy và việc xác định tình trạng dịch hại là phần quan trọng trong số các hoạt động được qui định bởi IPPC và các nguyên tắc được lưu ý trong ISPM 1:1993 và các tiêu chuẩn về các biện pháp KDTV được xây dựng từ những nguyên tắc trên.

Các nước nhập khẩu cần thông tin tình trạng dịch hại để:

- Thực hiện PRA đối với một loài dịch hại ở nước khác;
- Xây dựng các quy định về KDTV để ngăn chặn sự xâm nhập, thiết lập quần thể hoặc lan rộng của một loài dịch hại;
- Thực hiện PRA đối với một loài dịch hại thông thường của nước mình nhằm xem xét, điều chỉnh đối với chúng.

Các nước xuất khẩu cần thông tin tình trạng dịch hại để:

- Tuân thủ quy định nhập khẩu bằng cách không xuất khẩu các lô hàng bị nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh của nước nhập khẩu;
- Đáp ứng yêu cầu về thông tin từ các nước khác nhau cho mục đích PRA về các loài dịch hại trong lãnh thổ của họ.

Tất cả các nước có thể sử dụng thông tin về tình trạng dịch hại để:

- Thực hiện PRA;
- Lập kế hoạch cho các chương trình quản lý dịch hại của quốc gia, vùng hoặc quốc tế;

¹ kể cả tài liệu điện tử.

- Xây dựng các danh mục dịch hại quốc gia;
- Thiết lập và duy trì các PFA.

Thông tin về tình trạng của một loài dịch hại trong các vùng, quốc gia hoặc khu vực có thể được dùng để lập bản đồ phân bố toàn cầu của một loài dịch hại.

2. Hồ sơ dịch hại

2.1 Hồ sơ dịch hại

ISPM 6:1997 mô tả những nội dung thông tin của giám sát chung và điều tra cụ thể trong một hồ sơ dịch hại. Thông tin cơ bản cần thiết trong một hồ sơ dịch hại bao gồm:

- Tên khoa học đang sử dụng của sinh vật gồm, nếu thích hợp, gồm cả những đơn vị dưới loài (chủng, dạng sinh học, v.v...);
- Pha phát dục hoặc trạng thái sống của chúng;
- Nhóm phân loại;
- Phương pháp giám định;
- Ghi nhận về năm và tháng, thông thường thì chỉ cần ghi ngày đối với các trường hợp cụ thể. (ví dụ: việc phát hiện một loài dịch hại cụ thể lần đầu tiên, giám sát dịch hại);
- Địa điểm, ví dụ: mã vùng, địa chỉ, tọa độ; các điều kiện quan trọng như gieo trồng trong điều kiện được bảo vệ (ví dụ nhà kính) phải được chỉ rõ.
- Tên khoa học của ký chủ;
- Thiệt hại cho ký chủ, cách thu thập (ví dụ: đặt bẫy hoặc lấy mẫu đất);
- Mức độ phổ biến, và mức độ có mặt hoặc số lượng của chúng;
- Tài liệu tham khảo, nếu có.

Danh mục tài liệu tham khảo được nêu ra trong phụ lục của tiêu chuẩn này để tra cứu khi lập hồ sơ dịch hại.

2.2 Độ tin cậy

Thông tin về hồ sơ dịch hại sẵn có từ nhiều nguồn và có độ tin cậy khác

n nhau. Một số nội dung chủ yếu được chỉ rõ trong bảng hướng dẫn sau đây. Mặc dù bảng hướng dẫn xếp hạng nhóm thực hiện theo thứ tự độ tin cậy giảm dần tương đối, điều này phải không cứng nhắc và sự phân chia như vậy cốt để cung cấp các hướng dẫn để đánh giá tài liệu thu thập. Đặc biệt, cần lưu ý rằng các loài dịch hại khác nhau đòi hỏi mức độ chuyên sâu cần thiết để giám định chúng.

NPPO có trách nhiệm đối với việc cung cấp thông tin chính xác về các hồ sơ dịch hại khi được yêu cầu.

Bảng. Hướng dẫn đánh giá mức độ tin cậy của một hồ sơ dịch hại
(Nguồn được thống kê từ độ tin cậy giảm dần).

1. Người thu thập/ người giám định	2. Giám định kỹ thuật	3. Địa điểm và thời gian	4. Ghi chép/công bố
a. Chuyên gia phân loại	a. Chẩn đoán bằng phản ứng sinh hoá hoặc sinh học phân tử (nếu sẵn có)	a. Điều tra phát hiện hoặc điều tra khoanh vùng	a. Hồ sơ của NPPO/ công bố của Tổ chức Bảo vệ thực vật vùng (để tham khảo)
b. Chuyên gia chuyên ngành, chẩn đoán viên	b. Tiêu bản hoặc mẫu nuôi cấy được giữ trong bộ sưu tập chính thức, mô tả phân loại của chuyên gia	b. Điều tra đồng ruộng hoặc nơi sản xuất khác	b. Tạp chí khoa học hoặc kỹ thuật để tham khảo
c. Nhà khoa học	c. Tiêu bản trong bộ sưu tập chung	c. Giám sát không định kỳ hoặc ngẫu nhiên ở đồng ruộng, có thể không xác định rõ địa điểm /thời gian	c. Hồ sơ lưu trữ chính thức
d. Kỹ thuật viên	d. Mô tả và ảnh chụp	d. Quan sát trên sản phẩm hoặc phụ phẩm; ngăn	d. Tạp chí khoa học hoặc kỹ thuật không

		ngừa sự xâm nhập	dùng để tham khảo
e. Chuyên gia nghiệp dư	e. Chỉ mô tả theo trực quan	e. Không xác định được gian và địa điểm chính xác	e. Ấn phẩm không chuyên ngành thuộc chuyên ngành
f. Không phải chuyên gia	f. Không xác định phương pháp giám định		f. Các tài liệu khoa học hoặc kỹ thuật chưa công bố
g. Không xác định được người thu thập/ người giám định			g. Báo và các ấn phẩm khác không phải là ấn phẩm kỹ thuật; tạp chí/ báo
			h. Trao đổi cá nhân; chưa công bố

3. Tình trạng dịch hại trong một vùng

3.1 Mô tả tình trạng dịch hại trong một vùng

Xác định tình trạng dịch hại trong một vùng đòi hỏi có sự đánh giá của chuyên gia về phân bố hiện tại của một loài dịch hại trong vùng. Sự đánh giá này dựa trên việc tổng hợp các hồ sơ dịch hại và thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Cả hồ sơ hiện nay và trước đây đều được sử dụng trong việc đánh giá tình huống hiện tại. Tình trạng dịch hại có thể được mô tả theo:

3.1.1 Sự hiện diện

Một loài dịch hại được coi là hiện diện nếu hồ sơ biểu thị nó là loài bản địa hoặc du nhập. Nếu một loài dịch hại có mặt và các hồ sơ đủ độ tin cậy sẵn có, khi đó có thể cụ thể hoá sự phân bố của chúng bằng các cụm từ sau:

Hiện diện : trong tất cả các địa phận của vùng

- Hiện diện : chỉ có ở một số vùng ⁽²⁾
- Hiện diện : trừ những PFA cụ thể
- Hiện diện : trong tất cả các địa phận có các cây chủ của vùng
- Hiện diện : chỉ có ở một số vùng mà các cây ký chủ được gieo trồng ⁽²⁾
- Hiện diện : chỉ trong khu vực canh tác được bảo vệ
- Hiện diện : theo mùa vụ
- Hiện diện : nhưng được quản lý ⁽³⁾
- Hiện diện : được kiểm soát chính thức
- Hiện diện : đang được diệt trừ
- Hiện diện : ít phổ biến

Các cụm từ mô tả tương tự khác cũng có thể được sử dụng nếu phù hợp. Nếu không có nhiều hồ sơ đáng tin cậy, thì sẽ khó khăn cho việc cụ thể hoá sự phân bố của dịch hại.

Việc mô tả sự phổ biến của dịch hại (ví dụ: phổ biến, không phổ biến, ít phổ biến), và mức độ gây hại và/hoặc tổn thất do dịch hại gây ra cho các cây ký chủ có thể được dùng cho một mục đích thích hợp

3.1.2 Không hiện diện

Nếu không có hồ sơ về sự hiện diện của dịch hại trong dữ liệu giám sát tổng thể của một vùng, thì có thể kết luận một loài dịch hại không có mặt. Kết luận này có thể được hỗ trợ bằng các hồ sơ cụ thể về sự không có mặt.

Cũng có thể kết luận một loài dịch hại không có mặt thậm chí ngay cả khi có những hồ sơ trái ngược nhau. Các tình huống khác nhau đó được mô tả dưới đây. Sự không hiện diện của dịch hại có thể cũng được khẳng định bằng điều tra chi tiết (xem ISPM số 6 - *Hướng dẫn giám sát dịch hại*) và trong trường hợp đó nên bổ sung cụm từ "**được khẳng định bằng điều tra**". Tương tự, khi một PFA được thiết lập theo tiêu chuẩn thích hợp (xem ISPM số 4 - *Yêu cầu để thiết lập các vùng không nhiễm dịch hại*), nên bổ sung cụm từ "**vùng không nhiễm dịch hại đã khai báo**".

Không hiện diện: không có hồ sơ về dịch hại

²⁾ Chỉ rõ nơi có thể

³⁾ Theo: (những chi tiết được liệt kê)

Giám sát tổng thể cho thấy hiện thời dịch hại không có mặt và chưa bao giờ được ghi nhận.

Không hiện diện: dịch hại đã bị tiêu diệt

Các hồ sơ về dịch hại cho thấy dịch hại đã xuất hiện trước đây. Một chương trình diệt trừ dịch hại đã được chứng minh là có kết quả (xem ISPM số 9 - *Hướng dẫn các chương trình diệt trừ dịch hại*).

Không hiện diện: dịch hại không còn xuất hiện nữa

Hồ sơ dịch hại cho biết rằng dịch hại đã xuất hiện hoặc được thiết lập trong quá khứ, nhưng kết quả giám sát chung xác định là dịch hại không còn hiện diện. Những lý do có thể là:

- Điều kiện khí hậu hoặc tự nhiên không phù hợp với sự tồn tại của dịch hại;
- Thay đổi trong việc canh tác cây trồng là ký chủ;
- Thay đổi giống;
- Thay đổi trong sản xuất nông nghiệp.

Không hiện diện: hồ sơ dịch hại không có giá trị

Hồ sơ về dịch hại cho biết sự có mặt của một loài dịch hại, nhưng kết quả nghiên cứu lại cho thấy những hồ sơ đó không có hoặc không còn giá trị nữa theo những trường hợp sau:

- Thay đổi trong phân loại;
- Giám định sai;
- Hồ sơ không chính xác;
- Thay đổi về đường biên giới quốc gia, khi đó hồ sơ có thể cần được bổ sung.

Không hiện diện: Hồ sơ của dịch hại không tin cậy

Hồ sơ dịch hại cho thấy sự có mặt của một loài dịch hại, nhưng việc xác định dẫn đến kết luận rằng các hồ sơ đó không đáng tin cậy, theo những trường hợp sau:

- Thuật ngữ khó hiểu;
- Phương pháp chẩn đoán hoặc phân tích giám định không còn giá

trị;

- Hồ sơ không tin cậy (xem ở bảng).

Không hiện diện: đã được ngăn chặn

Dịch hại chỉ được báo cáo trên các chuyến hàng tại điểm nhập khẩu hoặc điểm đến đầu tiên hoặc ở nơi lưu giữ trước khi giải phóng, xử lý hoặc tiêu hủy hàng. Việc giám sát khẳng định dịch hại không thiết lập quần thể được.

3.1.3 Tính tạm thời

Tình trạng dịch hại được xem là tạm thời khi một loài dịch hại xuất hiện nhưng không xảy ra việc thiết lập quần thể căn cứ vào đánh giá kỹ thuật. Có ba loại tạm thời:

Tạm thời: không hoạt động

Dịch hại được phát hiện chỉ là một quần thể xuất hiện đơn lẻ hoặc bị cách ly, không hy vọng sống sót và không cần áp dụng biện pháp KDTV.

Tạm thời: dịch hại hoạt động nhưng đang bị giám sát

Dịch hại được phát hiện là một quần thể xuất hiện đơn lẻ hoặc bị cách ly, có thể sống sót trong tương lai gần, nhưng ít có khả năng thiết lập quần thể. Cần phải áp dụng các biện pháp KDTV thích hợp, kể cả việc giám sát.

Tạm thời: dịch hại hoạt động nhưng đang đang bị diệt trừ

Dịch hại được phát hiện là một quần thể cách ly, có thể sống sót trong tương lai gần, có khả năng thiết lập quần thể, và không có các biện pháp KDTV để diệt trừ. Cần áp dụng các biện pháp KDTV thích hợp để diệt trừ.

3.2 Xác định tình trạng dịch hại trong một vùng

NPPO thực hiện việc xác định tình trạng của một loài dịch hại. Kết quả được quyết định ngay sau khi có mô tả thích hợp nhất về tình trạng dịch hại trong một vùng (xem 3.1) dựa trên thông tin hỗ trợ. Việc xác định này có thể bao gồm:

- Hồ sơ dịch hại;
- Hồ sơ điều tra dịch hại;
- Hồ sơ hoặc các tài liệu khác cho thấy không có dịch hại;
- Kết quả giám sát chung;
- Thông tin từ những ấn phẩm khoa học và cơ sở dữ liệu;

- Biện pháp KDTV đã sử dụng để ngăn ngừa sự du nhập hoặc lan rộng của dịch hại;
- Thông tin khác liên quan đến đánh giá sự hiện diện hoặc không hiện diện của dịch hại.

Phải xem xét độ tin cậy và nhất quán của các thông tin, đặc biệt, khi có thông tin trái ngược nhau, cần phải có ý kiến của chuyên gia.

4. Chế độ báo cáo

Các bên tham gia có các nghĩa vụ theo quy định của IPPC (Điều VIII.1 (a)) để báo cáo "sự xuất hiện, bùng phát hoặc lan rộng các loài dịch hại", mà theo đó, trong các điều khoản của tiêu chuẩn này, các thông tin gắn liền với "tình trạng dịch hại trong một vùng" là một phần. Tiêu chuẩn này không liên quan đến các nghĩa vụ báo cáo nhưng lại quan tâm tới chất lượng thông tin báo cáo. Những báo cáo chính xác là một phần thiết yếu của việc hợp tác quốc tế nhằm tạo thuận lợi cho thương mại. Sai sót trong việc phát hiện và báo cáo dịch hại, hoặc không chính xác, không kịp thời, hoặc các báo cáo bị sai lệch có thể dẫn đến việc thiết lập các rào cản thương mại, hoặc dẫn đến sự du nhập và/ hoặc lan rộng của dịch hại.

Các tổ chức hoặc cá nhân liên quan đến việc thu thập hồ sơ dịch hại nên theo những khuyến nghị trong tiêu chuẩn này và cung cấp cho NPPO các chi tiết chính xác, đầy đủ trước khi báo cáo thông tin chung.

Để thực hiện chế độ báo cáo tốt, NPPO phải:

- Căn cứ vào việc xác định tình trạng dịch hại trong một vùng về các thông tin đáng tin cậy và cập nhật sẵn có;
- Có tính đến sự phân nhóm và xác định tình trạng dịch hại được quy định trong tiêu chuẩn này khi có sự trao đổi thông tin về tình trạng dịch hại giữa các nước;
- Thông báo cho NPPO của các đối tác thương mại càng sớm càng tốt và cho các RPPO khi thích hợp về những thay đổi liên quan đến tình trạng dịch hại, đặc biệt báo cáo về loài dịch hại mới thiết lập quần thể;
- Thông báo việc ngăn chặn đối với các loài dịch hại thuộc diện điều chỉnh, trong đó đề xuất thay đổi về tình trạng dịch hại ở nước xuất khẩu cho các nước khác chỉ sau khi tham vấn với nước xuất khẩu;
- Khi đã biết được hồ sơ dịch hại tại quốc gia khác không được

- thông báo, NPPO có thể báo cáo điều đó cho các quốc gia hoặc NPPO khác, ngay sau khi thông báo và tham vấn với NPPO liên quan;
- Việc trao đổi các thông tin tình trạng dịch hại phải phù hợp với điều VII.2(j) và VIII.1 (a) của IPPC tới phạm vi có thể thực thi, mức độ và ngôn ngữ có thể chấp thuận đối với cả hai nước;
 - Chỉnh sửa các hồ sơ sai sót càng sớm càng tốt.